

**Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024**

**CÔNG TY TNHH NN MTV
LÂM NGHIỆP TIỀN PHONG
MSDN 3300100201**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *MQ*...../BC-CTLNTP

Huế, ngày *28* tháng 3 năm 2025

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

- Thuận lợi:

+ Có sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ của UBND Thành phố, các Sở, ngành, chính quyền địa phương, cơ quan chức năng trong hoạt động SXKD, trong công tác quản lý bảo vệ rừng, đất đai.

+ BCH Đảng bộ, lãnh đạo Công ty, BCH Công đoàn phát huy tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và ban hành Nghị quyết, Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ; điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Tập thể CNV - LĐ đoàn kết, thống nhất, hỗ trợ, giúp đỡ nhau trong quá trình thực hiện kế hoạch, công việc.

+ Lực lượng lao động có trình độ, năng lực, kinh nghiệm; cơ cấu lao động hợp lý; phân công trách nhiệm rõ ràng, có sự phối hợp đồng bộ giữa các Phòng/đơn vị/bộ phận nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Công ty.

- Khó khăn:

+ Sản xuất lâm nghiệp luôn tiềm ẩn các rủi ro, thách thức do diễn biến của thời tiết, khí hậu, thị trường, dịch bệnh và các nhân tố tác động khác.

+ Chi phí sản xuất ngày càng tăng (vật tư, phân bón, nhiên liệu, nhân công...); chi phí khắc phục rừng, hạ tầng lâm sinh, vườn ươm do ảnh hưởng của các cơn bão, lụt, nấm bệnh...

1. Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu			
1.1	Khai thác rừng trồng kinh tế	Ha	220,0	214,0
1.2	Trồng rừng	Ha	220,0	258,0
1.3	Chăm sóc rừng trồng	Ha	706,0	840,00
1.4	Cây giống lâm nghiệp	Tr.Cây	10,00	11,58
	Cây keo hom	Tr.Cây	2,00	2,35
	Cây keo mô	Tr.Cây	0,50	0,66

	<i>Cây mām keo, bạch đàn</i>	<i>Tr.Cây</i>	7,50	8,58
1.5	Sản xuất kinh doanh hoa và các loại cây khác, dịch vụ giống,...	Ng.cây	160,00	77,10
	<i>Lan các loại</i>	Ng.cây	10,00	29,50
	<i>Cây bản địa, Tràm gió</i>	Ng.cây	150,00	47,60
1.6	Quản lý và bảo vệ rừng (rừng phòng hộ, đặc dụng,...)	Ha	4.799,6	4.799,6
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích	Ha	1.904,0	1904,0
	Bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng	Ha	1.904,0	1.904,0
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	39.861,0	39.496,53
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	12.339,8	12.458,19
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	10.652,5	10.959,2
6	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Tr.đồng	4.737,3	4.814,0
	Trong đó: Thuế TNDN	Tr.đồng	1.687,3	1.499,00
7	Tổng vốn đầu tư	Tr.đồng	7.880,00	6.824,68
	Trồng rừng	Tr.đồng	3.300,00	3.562,10
	Chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng	Tr.đồng	3.530,00	2.271,61
	Cơ sở nuôi cấy mô	Tr.đồng	350,00	287,91
	Cơ sở vật chất khác (MMTB; vườn ươm, duy trì, đánh giá chứng chỉ FSC, đường lâm sinh, chòi canh lửa,...)	Tr.đồng	700,00	703,06

2. Đánh giá chung

2.1. Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu

2.1.1. Khai thác rừng trồng kinh tế:

- Trong năm, Công ty lập hồ sơ thiết kế, khai thác 214 ha, giảm 6 ha so với kế hoạch, tương ứng giảm 3,7%, việc khai thác rừng đảm bảo theo quy định, đảm bảo mục tiêu kinh doanh rừng theo Phương án quản lý rừng bền vững đã được UBND thành phố phê duyệt. (Theo Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 24/02/2021, diện tích khai thác rừng khoảng 220 ha/năm; theo Quyết định số 3122/QĐ-UBND ngày 28/12/2023, diện tích khai thác rừng là 220 ha). Việc khai thác rừng giảm so với kế hoạch tiết kiệm được tài nguyên rừng, kéo dài được thời gian kinh doanh rừng, nâng cao được giá trị rừng trồng hơn.

2.1.2. Trồng rừng: Diện tích trồng rừng trong năm 2024 đạt 258 ha, tăng 38 ha, tương ứng tăng 17,3% so với kế hoạch.

Nguyên nhân là do một số diện tích khai thác gần cuối năm 2023, gặp thời tiết bất lợi nên công tác chuẩn bị hiện trường và trồng rừng trong năm 2023 không kịp để đảm bảo chất lượng trồng rừng, do đó phải thực hiện trồng rừng vụ Xuân năm 2024 và quyết toán tài chính trong năm 2024.

2.1.3. Chăm sóc rừng trồng: Thực hiện chăm sóc, nâng cao chất lượng 840 ha rừng, tăng 134 ha, tương ứng tăng 18,9% so với kế hoạch do Công ty đầu tư chăm

sóc thêm một số diện tích rừng đã hết thời kỳ chăm sóc nhưng chất lượng rừng thấp, bị sâu bệnh, ảnh hưởng của bão, lụt,... cần tiếp tục chăm sóc đảm bảo cây sinh trưởng, phát triển.

2.1.4. Cây giống lâm nghiệp:

Công tác sản xuất cây giống năm 2024 vượt kế hoạch đề ra, đạt 11,58 triệu cây (bao gồm cây sản xuất phục vụ trồng rừng Công ty), tăng 1,58 triệu cây, tương ứng tăng 15,8% so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu:

- Cây keo hom: Công ty sản xuất tăng thêm so với kế hoạch hơn 0,35 triệu cây để phục vụ nhu cầu trồng rừng của khách hàng.

- Cây keo mô: Công ty sản xuất thêm hơn 0,16 triệu cây so với kế hoạch để tiêu thụ và phục vụ trồng rừng Công ty.

- Cây mầm: tăng 1,08 triệu cây, sản xuất theo các đơn đặt hàng của khách hàng tại các tỉnh phía Bắc và dự báo nhu cầu trồng cây mô của các dự án lâm nghiệp.

- Việc tiêu thụ cây keo hom đạt khá; việc tiêu thụ cây mầm mô gặp khó khăn do gặp ảnh hưởng của Bão YAGI (khách hàng tại các tỉnh phía Bắc xin giảm đơn hàng, hoãn thời gian nhận cây giống).

2.1.5. Sản xuất kinh doanh hoa và các loại cây khác, dịch vụ giống,...: đạt 77,1 ngàn cây, giảm hơn so với kế hoạch năm 2024, nguyên nhân chủ yếu là do nhu cầu thị trường về cây bản địa, cây dược liệu (Tràm gió, Ba kích) thấp nên Công ty buộc phải điều chỉnh số lượng cây sản xuất, chỉ tập trung sản xuất cây có khả năng tiêu thụ như Lan, Tràm gió để trồng phát triển vùng nguyên liệu dược liệu của Công ty và một số lượng ít cây bản địa (Sến trung) để trồng rừng; không tổ chức sản xuất cây Ba kích tím do không có thị trường.

2.1.6. Quản lý và bảo vệ rừng (rừng phòng hộ, đặc dụng,...): Công ty tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ tốt diện tích 4.799,6 ha.

2.2. Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích: Thực hiện quản lý, bảo vệ 1.904,0 ha rừng.

2.3. Tổng doanh thu: Doanh thu năm 2024 đạt 39.496,5 triệu đồng, giảm 364,4 triệu đồng, tương ứng giảm 0,9% so với kế hoạch 2024, nguyên nhân chủ yếu là do Công ty giảm diện tích khai thác (giảm 6 ha) để đảm bảo về mặt diện tích so với kế hoạch như đã nêu tại mục 2.1.1.

2.4. Lợi nhuận trước thuế và Lợi nhuận sau thuế: Mặc dù doanh thu thực hiện năm 2024 có giảm, nhưng Công ty thực hiện tiết giảm, tiết kiệm được chi phí trong SXKD nên Lợi nhuận trước thuế và Lợi nhuận sau thuế tăng so với kế hoạch 2024, cụ thể: Lợi nhuận trước thuế đạt 12.458,19 triệu đồng, tăng 118,4 triệu đồng; Lợi nhuận sau thuế đạt 10.959,2 triệu đồng, tăng 306,7 triệu đồng.

2.5. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: 4.814,0 triệu đồng, thực hiện theo

đúng quy định, chính sách thuế.

2.6. Tổng vốn đầu tư: đạt 6.824,68 triệu đồng, giảm 1.055 triệu đồng so với kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu:

- Vốn đầu tư trồng rừng đạt 3.562,10 triệu đồng, tăng 262,1 triệu đồng, tương ứng 7,94% so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do diện tích trồng rừng năm 2024 tăng so với kế hoạch như đã nêu tại mục 2.1.2.

- Vốn đầu tư chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng đạt 2.271,61 triệu đồng, giảm 1.258 triệu đồng so với kế hoạch, do công tác chăm sóc rừng có nhiều khâu, nhiều công đoạn Công ty tổ chức thực hiện giảm được nhiều chi phí so với dự toán; giảm bớt khâu/biện pháp thực hiện so với kế hoạch (phát thực bì chăm sóc rừng 01 lần/02 lần so với kế hoạch) do phương án bổ sung vốn điều lệ chưa được chấp thuận phê duyệt nhưng vẫn đảm bảo chất lượng rừng trồng.

- Chi phí quản lý, bảo vệ rừng trồng được tính trong dự toán đầu tư trồng rừng nhưng Công ty quyết toán (khoản đầu tư này) vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh (tiền lương) nên giảm vốn đầu tư trong quản lý, bảo vệ rừng.

- Cơ sở vật chất khác đạt 703 triệu đồng, tăng 3 triệu đồng so với kế hoạch; Công ty chỉ thực hiện đầu tư vừa đủ vào các hạ tầng lâm sinh, cơ sở vật chất vườn ươm, máy móc thiết bị,... cần thiết để phục vụ hoạt động SXKD do cơ sở vật chất hiện có cơ bản đáp ứng được yêu cầu sản xuất, trong lúc đó khả năng tiêu thụ cây giống của thị trường chưa nhiều và sẽ còn gặp khó khăn trong thời gian tới.

- Cơ sở nuôi cấy mô cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu SXKD nên trong năm, Công ty chỉ đầu tư thêm 288 triệu đồng, không thực hiện đầu tư dàn trải nhằm tiết kiệm chi phí.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác Vốn góp của NLĐ (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
Doanh nghiệp không đầu tư các dự án nhóm B							

2. Các khoản đầu tư tài chính: Không.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% VĐL

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
Doanh nghiệp không có công ty con										

Nơi nhận:

- Cổng thông tin doanh nghiệp - Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử TP Huế;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Đón Chất Ai Cìn

